

BIỂU SỐ 07 /2019

Thống kê kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự

- **Dòng 1 (Số tạm giữ còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người bị tạm giữ còn lại ở các kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển qua kỳ này để giải quyết tiếp.

- **Dòng 2 (Số người mới bị tạm giữ):** Thống kê số người mới được đưa vào nhà tạm giữ, hoặc buông tạm giữ ở trại tạm giam trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Đối với những trường hợp tạm giữ đã trả tự do sau đó lại bị tạm giữ thì thống kê vào số mới.

$$\text{Dòng 2} = \text{Dòng 3} + \text{Dòng 4} + \text{Dòng 5} + \text{Dòng 6} + \text{Dòng 7}$$

- **Dòng 3 (Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp):** Thống kê số người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 4 (Người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang):** Thống kê số người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 5 (Người bị bắt theo quyết định truy nã):** Thống kê số người bị bắt theo quyết định truy nã và đã có quyết định tạm giữ của Cơ quan điều tra đã bắt hoặc tiếp nhận người bị truy nã trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6 (Người phạm tội tự thú):** Thống kê số người phạm tội đã tự thú và đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 7 (Người phạm tội đầu thú):** Thống kê số người phạm tội đã đầu thú và đã có quyết định tạm giữ của người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 8 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số người bị tạm giữ từ nơi khác chuyển đến, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 9 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số người bị tạm giữ chuyển đi nơi khác để tạm giữ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 10 (Tổng số người bị tạm giữ):** Tổng số = Số tạm giữ còn lại của kỳ trước + Số người mới bị tạm giữ + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác

$$\text{Dòng 10} = \text{Dòng 1} + \text{Dòng 2} + \text{Dòng 8} - \text{Dòng 9}$$

- **Dòng 11 (Số đã giải quyết):** Thống kê số người bị tạm giữ đã có quyết định giải quyết như: Khởi tố bị can chuyển tạm giam, khởi tố bị can áp dụng biện pháp ngăn chặn khác, bị bắt theo quyết định truy nã đã có quyết định tạm giam, được trả tự do...

$$\text{Dòng 11} = \text{Dòng 12} + \text{Dòng 13} + \text{Dòng 14} + \text{Dòng 15} + \text{Dòng 22}$$

- **Dòng 12 (Số khởi tố chuyển tạm giam):** Thống kê số người bị tạm giữ đã có quyết định khởi tố bị can và quyết định tạm giam của cơ quan có thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 13 (Số khởi tố áp dụng biện pháp ngăn chặn khác):** Thống kê số người bị tạm giữ đã bị khởi tố bị can và chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn khác như: Bảo lãnh; Cấm đi khỏi nơi cư trú...

- **Dòng 14 (Số truy nã chuyển tạm giam):** Thống kê số người bị bắt theo quyết định truy nã hoặc người bị truy nã ra đầu thú đang bị tạm giữ đã chuyển sang tạm giam.

- **Dòng 15 (Số tạm giữ được trả tự do):** Thống kê số người đang bị tạm giữ nhưng Cơ quan điều tra, Cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát trả tự do khi không đủ hoặc chưa đủ căn cứ khởi tố bị can (số này không bao gồm số ở dòng 22).

- **Dòng 16 (Số người Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định tạm giữ):** Thống kê số người bị tạm giữ đã có quyết định tạm giữ nhưng VKS xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết nên đã ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ và người bị tạm giữ đã được trả tự do, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 17 (Số người Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ):** Thống kê số người đang bị tạm giữ được trả tự do khi đã hết thời hạn tạm giữ và quyết định gia hạn tạm giữ không được VKS chuẩn, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 18 (Số người Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp):** Thống kê số người giữ trong trường hợp

khẩn cấp được trả tự do khi VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 19 (Số người không đủ căn cứ khởi tố bị can):** Thống kê số người đang tạm giữ được Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát (trong trường hợp đã gia hạn tạm giữ) trả tự do khi kết quả nhận định, đánh giá của cơ quan tiến hành tố tụng về việc không đủ căn cứ khởi tố bị can, trong kỳ thống kê (Số liệu này không bao gồm số liệu ở dòng 20)

- **Dòng 20 (Số người trả tự do trong thời gian chờ kết quả giám định, định giá):** Thống kê số người bị tạm giữ được trả tự do trong thời gian chờ kết quả giám định, định giá để khởi tố bị can mà thời hạn tạm giữ đã hết hoặc xét thấy không cần thiết phải tạm giữ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 21 (Số người trả tự do do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố):** Thống kê số người bị tạm giữ khi bị tình nghi phạm tội mà tội phạm đó chỉ được khởi tố theo yêu cầu của bị hại đã được trả tự do khi người bị hại hoặc người đại diện của bị hại đã rút đơn yêu cầu khởi tố, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 22 (Số tạm giữ được VKS trả tự do theo quy định của Luật tổ chức VKSND, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam):** Thống kê những trường hợp Viện kiểm sát áp dụng điểm d khoản 2 điều 22 Luật tổ chức VKS ND và điểm d khoản 2, Điều 42 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giữ khi người đó bị tạm giữ không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 23 (Số quá hạn tạm giữ đã giải quyết):** Thống kê số người bị tạm giữ đã quá hạn tạm giữ trong kỳ thống kê và trong kỳ thống kê trước đã được giải quyết bằng một trong các hình thức giải quyết ở dòng 12, 13, 14, 15, 22 (số liệu dòng này nằm trong số liệu số đã giải quyết ở dòng 11).

- **Dòng 24 (Số người tạm giữ chết trong kỳ):** Thống kê số người bị tạm giữ chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 25 (Chết do bệnh lý):** Thống kê số người bị tạm giữ chết do bệnh lý trong kỳ thống kê.

- **Dòng 26 (Chết do tự sát):** Thống kê số người bị tạm giữ chết do tự sát trong kỳ thống kê.

- **Dòng 27 (Chết do nguyên nhân khác):** Thống kê số người bị tạm giữ chết do các nguyên nhân khác ngoài hai nguyên nhân ở dòng 14 và dòng 15.

Dòng 25, 26, 27 Căn cứ vào kết luận giám định pháp y để xác định nguyên nhân chết.

- **Dòng 28 (Số người tạm giữ trốn trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tạm giữ trốn trong kỳ thống kê (không phân biệt đã bắt được hay chưa bắt được).

- **Dòng 29 (Số trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số người bị tạm giữ đã trốn trong kỳ thống kê được thống kê ở dòng 28 nhưng đến cuối kỳ thống kê vẫn chưa bắt lại được.

- **Dòng 30 (Số người còn tạm giữ đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người còn đang bị tạm giữ đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 30} = \text{Dòng 10} - \text{Dòng 11} - \text{Dòng 24} - \text{Dòng 29}$$

- **Dòng 31 (Số quá hạn tạm giữ):** Thống kê số người bị tạm giữ quá hạn trong số còn đang tạm giữ, căn cứ vào thời hạn ghi trên quyết định tạm giữ, thời hạn mà Viện kiểm sát đã phê chuẩn trong Quyết định phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ để làm cơ sở thống kê.

- **Dòng 32 (Số tạm giam còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người bị tạm giam còn lại ở các kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển qua kỳ này để giải quyết tiếp. Đối với những trường hợp trốn ở kỳ thống kê trước mà kỳ này bắt được thì thống kê vào dòng này.

- **Dòng 33 (Số người mới bị tạm giam):** Thống kê số người mới được đưa vào trại tạm giam, hoặc buồng tạm giam ở nhà tạm giữ trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Đối với những trường hợp tạm giam đã được tại ngoại sau đó lại tiếp tục bị bắt tạm giam trong kỳ thống kê thì thống kê vào dòng này.

- **Dòng 34 (Số người tạm giữ chuyển tạm giam):** Thống kê số người bị tạm giữ đã có quyết định khởi tố bị can và quyết định tạm giam của cơ quan có thẩm quyền hoặc những trường hợp số người bị bắt theo quyết định truy nã đang bị tạm giữ đã chuyển sang tạm giam.

- **Dòng 35 (Số người Cơ quan điều tra ra lệnh bắt để tạm giam):** Thống kê số người mới bị bắt tạm giam theo lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan điều tra có thẩm quyền.

- **Dòng 36 (Số người VKS ra lệnh bắt để tạm giam):** Thống kê số người mới bị bắt tạm giam theo lệnh bắt bị can để tạm giam của VKS có thẩm quyền.

- **Dòng 37 (Số người Tòa án sơ thẩm ra lệnh bắt để tạm giam):** Thống kê số người mới bị bắt tạm giam theo lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam của Tòa án có thẩm quyền.

- **Dòng 38 (Số người bị kết án đang tại ngoại tự nguyện hoặc bị áp giải để thi hành án):** Thống kê số người bị kết án đang tại ngoại tự nguyện hoặc bị áp giải đến trại tạm giam, nhà tạm giữ để đi thi hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 39 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số người bị tạm giam nơi khác chuyển đến, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 40 (Số chuyển đến để làm thủ tục chấp hành án):** Thống kê số người đang bị tạm giam đã có quyết định thi hành án nơi khác chuyển đến để làm thủ tục báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người chấp hành án đi chấp hành án.

- **Dòng 41 (Số chuyển đến để xét xử phúc thẩm):** Thống kê số người đang bị tạm giam nơi khác chuyển đến để phục vụ việc xét xử phúc thẩm.

- **Dòng 42 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số người bị tạm giam chuyển đi nơi khác, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 43 (Số chuyển đi để làm thủ tục chấp hành án):** Thống kê số người đang bị tạm giam đã có quyết định thi hành án chuyển đi nơi khác để làm thủ tục báo cáo cơ quan quản lý thi hành án hình sự thuộc Bộ Công an ra quyết định đưa người chấp hành án đi chấp hành án.

- **Dòng 44 (Số chuyển đi để xét xử phúc thẩm):** Thống kê số người đang bị tạm giam chuyển đi nơi khác để phục vụ việc xét xử phúc thẩm.

- **Dòng 45 (Tổng số người bị tạm giam):** Thống kê tổng số người đang bị tạm giam (Tổng số = Số tạm giam còn lại của kỳ trước + Số người mới bị tạm giam + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác).

$$\text{Dòng 45} = \text{Dòng 32} + \text{Dòng 33} + \text{Dòng 39} - \text{Dòng 42}$$

- **Dòng 46 (Số người bị tạm giam đã giải quyết):** Thống kê số người thực tế đã được giải quyết ra khỏi nơi tạm giam bằng các quyết định của cơ quan có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 47 (Hủy bỏ biện pháp tạm giam):** Thống kê số người được các cơ quan tố tụng hủy bỏ biện pháp tạm giam khi thấy không cần thiết, hủy bỏ biện pháp tạm giam khi áp dụng biện pháp tạm giam trái pháp luật. Không thống kê những trường hợp hủy bỏ biện pháp tạm giam rồi sau đó trả tự do khi có quyết định đình chỉ.

- **Dòng 48 (Thay đổi biện pháp ngăn chặn khác):** Thống kê số người được cơ quan có thẩm quyền thay thế biện pháp tạm giam đang áp dụng bằng một biện pháp ngăn chặn khác không phải là tạm giam, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 49 (Trả tự do khi bị can có QĐ đình chỉ):** Thống kê số người bị tạm giam được trả tự do khi có quyết định đình chỉ bị can của cơ quan có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 50 (Số trả tự do chuyển xử lý hành chính, xử lý kỷ luật):** Thống kê số người bị tạm giam được trả tự do khi có quyết định đình chỉ bị can nhưng bị xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 51 (Hội đồng xét xử trả tự do):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa, bao gồm những trường hợp: bị cáo không có tội; bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt; bị cáo bị xử phạt bằng các hình phạt không phải hình phạt tù; bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo; thời hạn phạt tù ngắn hơn hoặc bằng thời hạn mà bị cáo đã bị tạm giam....

- **Dòng 52 (Bị cáo không phạm tội):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa do bị cáo không phạm tội

- **Dòng 53 (Bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc được miễn hình phạt):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa khi bị cáo được miễn trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt.

- **Dòng 54 (Bị cáo bị xử phạt bằng hình phạt không phải là hình phạt tù):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã

tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa khi bị cáo bị xử phạt bằng các hình phạt không phải hình phạt tù như cảnh cáo, cải tạo không giam giữ

- **Dòng 55 (Bị cáo bị xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa khi bị cáo bị xử phạt tù nhưng được hưởng án treo

- **Dòng 56 (Bị cáo bị phạt tù mà thời hạn phạt tù bằng hoặc ngắn hơn thời gian đã bị tạm giam):** Thống kê số người đang bị tạm giam mà tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuyên trả tự do ngay cho họ tại phiên tòa khi tuyên phạt hình phạt tù nhưng thời hạn phạt tù ngắn hơn hoặc bằng thời hạn mà bị cáo đã bị tạm giam.

- **Dòng 57 (Trả tự do khi hết án trong thời gian kháng cáo, kháng nghị):** Thống kê số người bị tạm giam đã xét xử sơ thẩm nhưng đang trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị (bản án chưa có hiệu lực pháp luật) họ đã chấp hành xong thời hạn tù mà bản án sơ thẩm đã tuyên và đã được cơ quan có thẩm quyền trả tự do.

- **Dòng 58 (Hết thời hạn tù trong thời gian chờ quyết định chuyển đi chấp hành án):** Thống kê số người chấp hành án phạt tù có thời hạn mà bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã có quyết định thi hành án đang trong thời gian chờ quyết định để đưa đi chấp hành án của cơ quan có thẩm quyền thì hết thời hạn tù mà Tòa án đã tuyên.

- **Dòng 59 (Số tạm giam được VKS trả tự do theo quy định của Luật tổ chức VKSND, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam):** Thống kê những trường hợp Viện kiểm sát áp dụng điểm d khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức VKSND và điểm d khoản 2, Điều 42 Luật thi hành tạm giữ, tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giam khi người đó bị tạm giam không có căn cứ và trái pháp luật.

- **Dòng 60 (Số người đang chờ đưa đi chấp hành án phạt tù được tạm đình chỉ chấp hành án):** Thống kê số người đang bị tạm giam đã có quyết định thi hành án phạt tù trong thời gian chờ đưa đi chấp hành án phạt tù đã được Tòa án có thẩm quyền ra quyết định cho họ được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

- **Dòng 61 (Số người chuyển chấp hành án):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án đang bị tạm giam đã được đưa đi chấp hành án ở trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam hoặc nhà tạm giữ.

Lưu ý: Đối với những trường hợp Tòa án cấp huyện đã ra quyết định thi hành án và nhà tạm giữ chuyển người đó đến trại tạm giam để làm thủ tục chuyển đi chấp hành án thì không thống kê vào dòng này mà thống kê vào dòng “Số chuyển đi nơi khác ” và dòng phân tổ “ Số chuyển đi để làm thủ tục chấp hành án”.

- **Dòng 62 (Số đã thi hành án tử hình):** Thống kê những trường hợp đã thi hành hình phạt tử hình, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 63 (Bắt buộc chữa bệnh):** Thống kê những trường hợp tại thời điểm kết thúc kỳ thống kê đã trích xuất ra khỏi nơi giam sau khi có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh của cơ quan có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Đối với trường hợp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê nhưng ngay trong kỳ thống kê đó lại đình chỉ áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh thì không thống kê vào dòng này. Sau khi kết thúc việc chữa bệnh (trừ trường hợp chết) người bị bắt buộc chữa bệnh trở lại nơi giam thì thống kê vào dòng số cũ.

- **Dòng 64 (Tổng số người đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh ở các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này nhưng đến cuối kỳ thống kê này vẫn đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- **Dòng 65 (Số quá hạn tạm giam đã giải quyết):** Thống kê những trường hợp tạm giam đã giải quyết nhưng đã quá hạn tạm giam tính đến ngày giải quyết.

- **Dòng 66 (Cơ quan điều tra):** Thống kê số người bị tạm giam quá hạn đã giải quyết thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra.

- **Dòng 67 (Viện kiểm sát):** Thống kê số người bị tạm giam quá hạn đã giải quyết thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát.

- **Dòng 68 (Tòa án):** Thống kê số người bị tạm giam quá hạn đã giải quyết thuộc trách nhiệm của Tòa án.

(Căn cứ vào việc hồ sơ đang ở cơ quan nào để làm căn cứ thống kê).

- **Dòng 69 (Số người bị tạm giam chết trong kỳ):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê bao gồm số đang bị tạm giam trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và số tạm giam chờ chuyển đi chấp hành án.

- **Dòng 70 (Chết do tự sát):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do tự sát.

- **Dòng 71 (Chết do bệnh lý):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do bệnh lý.

- **Dòng 72 (Chết do các nguyên nhân khác):** Thống kê số người bị tạm giam chết trong kỳ thống kê do nguyên nhân khác ngoài 2 nguyên nhân tại dòng 70 và dòng 71.

(Căn cứ vào kết luận giám định để xác định nguyên nhân chết).

- **Dòng 73 (Số người bị tạm giam trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tất cả những trường hợp trốn ở các kỳ thống kê và tại kỳ thống kê này đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 74 (Số trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số người bị tạm giam trốn trong kỳ thống kê và chưa bắt lại được.

- **Dòng 75 (Số người còn bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người còn đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 75} = \text{Dòng 45} - \text{Dòng 46} - \text{Dòng 69} - \text{Dòng 74}$$

- **Dòng 76 (Số còn tạm giam trong giai đoạn điều tra):** Thống kê số bị can chưa kết thúc điều tra (hồ sơ vụ án đang do cơ quan điều tra thụ lý) đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 77 (Số còn tạm giam trong giai đoạn truy tố):** Thống kê số bị can CQĐT đã kết thúc điều tra chuyển hồ sơ sang VKS nhưng VKS chưa ban hành cáo trạng truy tố (hồ sơ vụ án đang do VKS thụ lý giải quyết) đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 78 (Số còn tạm giam trong giai đoạn xét xử sơ thẩm):** Thống kê số bị can VKS đã ban hành quyết định truy tố và đã chuyển hồ sơ vụ án sang Tòa án, Tòa án chưa xét xử sơ thẩm (hồ sơ đang do Tòa án có thẩm quyền xét xử sơ thẩm đang thụ lý) đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 79 (Số còn tạm giam trong giai đoạn xét xử phúc thẩm):** Thống kê số bị cáo đã xét xử sơ thẩm nhưng có kháng cáo, kháng nghị chưa xét xử phúc thẩm (hồ sơ vụ án đang được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết) đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 80 (Số còn tạm giam chờ chuyển đến nơi chấp hành án):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án đang chờ làm thủ tục chuyển đi chấp hành án hoặc đang chờ chuyển đến nơi chấp hành án, đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 81 (Số còn tạm giam đã quá hạn tính đến cuối kỳ):** Thống kê số người bị tạm giam đã quá hạn tạm giam trong số đang tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê. Căn cứ theo thời hạn ghi trong lệnh tạm giam, quyết định tạm giam, quyết định gia hạn tạm giam để xác định việc quá hạn. Đồng thời căn cứ vào việc hồ sơ vụ án đang do cơ quan nào giữ để xem xét trách nhiệm.

- **Dòng 82 (Thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra):** Thống kê số người quá hạn tạm giam thuộc trách nhiệm của Cơ quan điều tra.

- **Dòng 83 (Thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát):** Thống kê số người quá hạn tạm giam thuộc trách nhiệm của Viện kiểm sát.

- **Dòng 84 (Thuộc trách nhiệm của Tòa án):** Thống kê số người quá hạn tạm giam thuộc trách nhiệm của Tòa án các cấp.

- **Dòng 85 (Số bị án tử hình đang tạm giam):** Thống kê tất cả những trường hợp đã bị Tòa án tuyên phạt tử hình (tính cả những trường hợp đang kháng cáo, kháng nghị, bản án chưa có hiệu lực pháp luật và những trường hợp đã có quyết định thi hành án) đang bị tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 86 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát trực tiếp nhà tạm giữ có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã kiểm sát trực tiếp nhà tạm giữ (kiểm sát toàn diện, kiểm sát từng nội dung) và đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát trực tiếp nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này). Đối với những trường hợp kiểm sát buồng tạm giữ thuộc Bộ đội Biên phòng cũng thống kê vào dòng này.

- **Dòng 87 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất nhà tạm giữ):** Thống kê những trường hợp Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát đột xuất nhà tạm giữ và đã có kết luận. Đối với những trường hợp kiểm sát đột xuất buồng tạm giữ thuộc Bộ đội Biên phòng cũng thống kê vào dòng này.

- **Dòng 88 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát trực tiếp trại tạm giam có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã kiểm sát trực tiếp trại tạm giam (kiểm sát toàn diện, kiểm sát từng nội dung) và đã có kết luận trong kỳ thống kê.

Trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát trực tiếp nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này.

- Dòng 89 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất trại tạm giam): Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát đột xuất tại trại tạm giam và đã có kết luận.

Lưu ý: Khi thống kê dòng 86, 87, 88, 89 chỉ thống kê những trường hợp Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát trực tiếp khi có *quyết định kiểm sát trực tiếp* hoặc *quyết định kiểm sát đột xuất* nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Đơn vị nào ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và ban hành kết luận thì đơn vị đó thống kê. Nếu VKS cấp trên ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và phối hợp với VKS cấp dưới tiến hành kiểm sát, kết thúc cuộc kiểm sát VKS cấp trên ban hành kết luận thì VKS cấp trên thống kê, VKS cấp dưới không thống kê.

- Dòng 90 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam): Thống kê số văn bản Viện kiểm sát đã yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam...tự kiểm tra việc tạm giữ, tạm giam và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát.

- Dòng 91 (Số lần Viện kiểm sát yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam): Thống kê số lần Viện kiểm sát đã ban hành văn bản yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam... cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến quản lý, thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Dòng 92 (Số lần Viện kiểm sát yêu cầu thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam): Thống kê số lần Viện kiểm sát đã ban hành văn bản yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam.

- Dòng 93 (Số lần Viện kiểm sát yêu cầu trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam): Thống kê số lần Viện kiểm sát đã ban hành văn bản yêu cầu Trưởng nhà tạm giữ, Giám thị trại tạm giam...trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam.

Lưu ý: Trong trường hợp Viện kiểm sát ban hành 01 văn bản nhưng yêu cầu nhiều nội dung tại các dòng 90, 91, 92, 93 thì chỉ thống kê vào một dòng.

- **Dòng 94 (Số hồ sơ tạm giữ, tạm giam VKS đã kiểm sát):** Thống kê số hồ sơ tạm giữ, tạm giam VKS đã tiến hành kiểm sát trong kỳ thống kê. Việc kiểm sát hồ sơ phải được thể hiện bằng phiếu kiểm sát, thể hiện quan điểm của người nghiên cứu và được lưu vào hồ sơ kiểm sát.

- **Dòng 95 (Số lần VKS gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số lần VKS đã gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam trong kỳ thống kê. Việc gặp hỏi phải được thể hiện bằng phiếu kiểm sát có ghi chép lại việc gặp hỏi đối với người bị tạm giữ, tạm giam và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

- **Dòng 96 (Số bản kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kiến nghị Viện kiểm sát đã ban hành thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam. Chỉ thống kê số bản kiến nghị bằng văn bản riêng đã ban hành trong kỳ thống kê, không thống kê những trường hợp kiến nghị trong bản kết luận kiểm sát trực tiếp. Nếu một bản kiến nghị mà kiến nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một bản kiến nghị.

- **Dòng 97 (Số bản kiến nghị đã được chấp nhận sửa chữa):** thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) của cơ quan bị kiến nghị trong kỳ thống kê, kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 98 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 99 (Số bản kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kháng nghị Viện kiểm sát đã ban hành thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam. Chỉ thống kê số bản kháng nghị bằng văn bản riêng đã ban hành trong kỳ thống kê, không thống kê những trường hợp kháng nghị trong bản kết luận kiểm sát trực tiếp. Nếu một bản kháng nghị mà kháng nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một bản kiến nghị.

- **Dòng 100 (Số kháng nghị của VKS với cơ quan cùng cấp yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát

việc tạm giữ, tạm giam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cùng cấp đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 101 (Số kháng nghị của VKS với cơ quan cùng cấp yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ các quyết định vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 102 (Số kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS cấp trên thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp dưới đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 103 (Số kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS cấp trên thông qua công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp dưới hủy bỏ các quyết định vi phạm trong việc tạm giữ, tạm giam.

- **Dòng 104 (Số bản kháng nghị được chấp nhận):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) của cơ quan bị kháng nghị, kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 105 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 106 (Số cuộc kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu đã có kết luận):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu của Viện kiểm sát đối với cơ quan đang tạm giữ, tạm giam đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm tra nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).

- Dòng 107 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án chưa ra quyết định thi hành án kỳ trước chuyển qua): Thống kê những người bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” số pháp nhân thương mại bị tuyên phạt hình phạt chính là “phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn” mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật ở kỳ thống kê trước nhưng chưa có quyết định thi hành án chuyển qua.

- Dòng 108 (Số pháp nhân thương mại bị kết án): Thống kê số pháp nhân thương mại bị kết án mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật ở kỳ thống kê trước nhưng chưa có quyết định thi hành án chuyển qua.

- Dòng 109 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án mới phát sinh trong kỳ chưa ra quyết định thi hành án): Thống kê những người bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” số pháp nhân thương mại bị tuyên phạt hình phạt chính là “phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn” mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê.

- Dòng 110 (Số pháp nhân thương mại bị kết án): Thống kê số pháp nhân thương mại bị kết án mà bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê.

- Dòng 111 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án nhận ủy thác ra quyết định thi hành án): Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án nơi thực hiện thống kê đã nhận ủy thác của Tòa án nơi khác để ra quyết định thi hành án.

- Dòng 112 (Số pháp nhân thương mại bị kết án): Thống kê số pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án nơi thực hiện thống kê đã nhận ủy thác của Tòa án nơi khác để ra quyết định thi hành án.

- Dòng 113 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án ủy thác đi nơi khác ra quyết định thi hành án): Thống kê số người bị kết án, số

pháp nhân thương mại bị kết án mà Tòa án đã xét xử sơ thẩm đã có quyết định ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án.

- **Dòng 114 (Số pháp nhân thương mại bị kết án):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị kết án mà Tòa án đã xét xử sơ thẩm đã có quyết định ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án.

Lưu ý: Đối với những người chấp hành án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa có quyết định thi hành án mà Tòa án giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy án để điều tra, xét xử lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội, thì tùy từng trường hợp nếu bản án có hiệu lực trước kỳ thống kê thì không thống kê vào dòng 107, nếu bản án có hiệu lực trong kỳ thống kê thì không thống kê vào dòng 109.

- **Dòng 115 (Tổng số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án phải ra quyết định thi hành án):** Thống kê tổng số người, pháp nhân thương mại mà Tòa án tuyên bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa ra quyết định thi hành án.

$$\text{Dòng 115} = \text{Dòng 107} + \text{Dòng 109} + \text{Dòng 111} - \text{Dòng 113}$$

- **Dòng 116 (Số người bị kết án tù chung thân phải ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù chung thân mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của kỳ thống kê trước nhưng chưa ra quyết định thi hành án và số người bị tuyên phạt tù chung thân mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 117 (Số người bị kết án tù có thời hạn phải ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù có thời hạn mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của kỳ thống kê trước nhưng chưa ra quyết định thi hành án và số người bị tuyên phạt tù có thời hạn mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 118 (Số pháp nhân thương mại bị kết án phải ra quyết định thi hành án):** Thống kê tổng số pháp nhân thương mại bị tòa án tuyên phạt “phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn” mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của kỳ thống kê trước và số bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 119 (Số người bị kết án chết khi chưa có quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng chưa có quyết định thi hành án bị chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 120 (Số người chưa có quyết định thi hành án phạm tội mới):** Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án bản án đã có hiệu lực pháp luật trong thời gian Tòa án chưa ra quyết định thi hành án lại phạm tội mới.

- **Dòng 121 (Số người bị tuyên phạt CTKGG):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt cải tạo không giam giữ và bản án đã có hiệu lực pháp luật trong thời gian Tòa án chưa ra quyết định thi hành án lại phạm tội mới.

- **Dòng 122 (Số người bị tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo):** Thống kê số người Tòa án tuyên phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo bản án đã có hiệu lực pháp luật trong thời gian Tòa án chưa ra quyết định thi hành án lại phạm tội mới.

- **Dòng 123 (Số người bị tuyên phạt tù có thời hạn đang tại ngoại):** Thống kê số người Tòa án tuyên phạt hình phạt tù có thời hạn đang được tại ngoại, bản án đã có hiệu lực pháp luật trong thời gian Tòa án chưa ra quyết định thi hành án lại phạm tội mới.

- **Dòng 124 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị kết án mà hình phạt chính là: “cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn nhưng được hưởng án treo, tù có thời hạn, tù chung thân” số pháp nhân thương mại bị tuyên phạt hình phạt chính là “phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định, cấm huy động vốn” Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 125 (Số người bị kết án tù chung thân đã ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị kết án mà hình phạt chính cao nhất là tù chung thân Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 126 (Số người bị kết án tù có thời hạn đã ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị kết án mà hình phạt chính là tù có thời hạn Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 127 (Số pháp nhân thương mại bị kết án đã ra quyết định thi hành án):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 128 (Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án chưa ra quyết định thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê.

Dòng 128 = Dòng 115 – Dòng 119 – Dòng 120 – Dòng 124

- **Dòng 129 (Đã quá hạn luật định):** Thống kê số Tòa án chưa ra quyết định thi hành án đã quá hạn theo quy định tại Điều 364 Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Dòng 130 (Số người bị kết án tù chung thân chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị kết án mà hình phạt chính cao nhất là tù chung thân bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án xét xử sơ thẩm chưa ra quyết định thi hành án (thống kê cả những trường hợp đã quá hạn).

- **Dòng 131 (Số người bị kết án tù có thời hạn chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù có thời hạn mà bản án có hiệu lực nhưng Tòa án xét xử sơ thẩm chưa ra quyết định thi hành án (thống kê cả những trường hợp đã quá hạn).

- **Dòng 132 (Số pháp nhân thương mại bị kết án chưa ra quyết định thi hành án):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị kết án mà bản án có hiệu lực nhưng Tòa án xét xử sơ thẩm chưa ra quyết định thi hành án (thống kê cả những trường hợp đã quá hạn)

- **Dòng 133 (Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án của kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi đến nơi thi hành án.

Những trường hợp đã hết thời hạn hoãn thi hành án mà không được tiếp tục hoãn, những trường hợp Tòa án có thẩm quyền ra quyết định hủy quyết định hoãn thi hành án cũng thống kê vào dòng này.

- **Dòng 134 (Số đã có quyết định thi hành án nơi khác chuyển đến):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án mà nơi khác chuyển đến để làm thủ tục chuyển đi chấp hành án.

- **Dòng 135 (Số đã có quyết định thi hành án chuyển đi nơi khác):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án nhưng chuyển đi nơi khác để làm thủ tục chuyển đi chấp hành án.

- **Dòng 136 (Tổng số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án phải đưa đi thi hành án):** Tổng số = Số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê + Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án của kỳ thống kê trước nhưng chưa đưa đi thi hành án + Số đã có quyết định thi hành án nơi khác chuyển đến - Số đã có quyết định thi hành án chuyển đi nơi khác.

$$\text{Dòng 136} = \text{Dòng 124} + \text{Dòng 133} + \text{Dòng 134} - \text{Dòng 135}$$

- **Dòng 137 (Số người chấp hành án được Tòa án giám đốc thẩm hủy án, tuyên không phạm tội):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án (nhưng chưa đi thi hành án) mà Tòa án giám đốc thẩm tuyên hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra, xét xử lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 138 (Số người chấp hành án được Tòa án tái thẩm hủy án, tuyên không phạm tội):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án (nhưng chưa đi thi hành án) mà Tòa án tái thẩm tuyên hủy bản án đã có hiệu lực pháp luật để điều tra, xét xử lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội trong kỳ thống kê.

- **Dòng 139 (Số người chấp hành án được hoãn chấp hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án nhưng được hoãn chấp hành án trong kỳ thống kê. Quyết định thi hành án có thể trong kỳ thống kê, cũng có thể khác kỳ thống kê. Đối với những trường hợp đã có quyết định thi hành án nhưng ngay trong kỳ thống kê đó Tòa án có thẩm quyền lại ra quyết định hủy quyết định hoãn thi hành án thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 140 (Số người chấp hành án được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đi chấp hành án được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê. Quyết định thi hành án có thể trong kỳ thống kê, cũng có thể khác kỳ thống kê.

- **Dòng 141 (Số người chấp hành án được miễn chấp hành hình phạt):** Thống kê số người đã có quyết định miễn chấp hành hình phạt của Tòa án có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 142 (Số người được miễn chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số người đã có quyết định miễn chấp hành hình phạt tù của Tòa án có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 143 (Số người chấp hành án được hưởng thời hiệu):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án có thẩm quyền đã có quyết định cho họ không phải thi hành bản án đã tuyên do được hưởng thời hiệu, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 144 (Số người chấp hành án phạt tù được hưởng thời hiệu):** Thống kê số người chấp hành án phạt tù mà Tòa án có thẩm quyền đã có quyết định cho họ không phải thi hành hình phạt tù đã tuyên do được hưởng thời hiệu, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 145 (Số người chấp hành án chết sau khi có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án chết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 146 (Số người chấp hành án trốn sau khi có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê những trường hợp đã có quyết định thi hành án nhưng trong thời gian chờ chuyển đi chấp hành án thì bỏ trốn chưa bắt lại được.

- **Dòng 147 (Số người đã có quyết định thi hành án phạm tội mới):** Thống kê số người bị kết án, pháp nhân thương mại bị kết án bản án đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đi chấp hành án lại phạm tội mới, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 148 (Số người bị tuyên phạt CTKGG):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt cải tạo không giam giữ Tòa án đã ra quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án lại phạm tội mới, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 149 (Số người bị tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo):** Thống kê số người Tòa án tuyên phạt hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo Tòa án đã ra quyết định thi hành án chưa đi chấp hành án lại phạm tội mới, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 150 (Số người bị tuyên phạt tù có thời hạn đang tại ngoại):** Thống kê số người Tòa án tuyên phạt hình phạt tù có thời hạn Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong thời gian được tại ngoại chưa đi chấp hành án lại phạm tội mới.

- **Dòng 151 (Số người chấp hành án đã đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án sau khi có quyết định thi hành án đã được đưa đi thi hành án tại Trại giam, Trại tạm giam hoặc đã được bàn giao cho cơ quan tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục hoặc trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- **Dòng 152 (Số người chấp hành án tù chung thân đã đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án tù chung thân mới đưa đến thi hành án tại Trại giam sau khi có quyết định đưa người chấp hành án đi chấp hành án của cơ quan có thẩm quyền. Không thống kê những trường hợp chuyển từ trại này đến trại khác vào dòng này.

- **Dòng 153 (Số người chấp hành án tù có thời hạn đã đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án tù có thời hạn mới đưa đến chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam sau khi có quyết định đưa người chấp hành án đi chấp hành án của cơ quan có thẩm quyền. Không thống kê những trường hợp chuyển từ trại này đến trại khác vào dòng này.

- **Dòng 154 (Số người chấp hành án đã có quyết định thi hành án còn lại chưa đi thi hành án):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đưa đi chấp hành án.

Dòng 154 = Dòng 136 - Dòng 137 - Dòng 138 - Dòng 139 - Dòng 140 - Dòng 141 - Dòng 143 - Dòng 145 - Dòng 147 - Dòng 151

- **Dòng 155 (Số người chấp hành án tù chung thân chưa đi thi hành án):** Thống kê những bị phạt tù chung thân đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đưa đi thi hành án tại Trại giam. Số này bao gồm cả số trốn ở dòng 156.

- **Dòng 156 (Số người chấp hành án tù chung thân chưa đi thi hành án trốn chưa bắt lại):** Thống kê những trường hợp người bị phạt tù chung thân đã có quyết định thi hành án chưa đi thi hành án nhưng đã bỏ trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 157 (Số người chấp hành án tù có thời hạn chưa đi thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án tù có thời hạn đã có quyết định thi hành án

nhưng chưa đưa đi thi hành án tại Trại giam, Trại tạm giam. Số này bao gồm cả số trốn ở dòng 158.

- **Dòng 158 (Số người chấp hành án tù có thời hạn chưa đi thi hành án trốn chưa bắt lại):** Thống kê số người bị phạt tù có thời hạn đã có quyết định thi hành án chưa đi thi hành án nhưng đã bỏ trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 159 (Số người chấp hành án tù có thời hạn đang được tạm đình chỉ chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số người chấp hành án tù có thời hạn đã có quyết định thi hành án nhưng chưa đi thi hành án được tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê (*Số này không phải là số phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án*).

- **Dòng 160 (Tổng số người được hoãn chấp hành án):** Thống kê tổng số người được Tòa án có thẩm quyền đã ra quyết định hoãn chấp hành án phạt tù tính đến cuối kỳ thống kê, số này bao gồm cả số hoãn của các kỳ thống kê trước và số mới được hoãn trong kỳ thống kê (Dòng 139).

- **Dòng 161 (Số người được hoãn chấp hành án chết trong thời gian được hoãn chấp hành án):** Thống kê số người đang được hoãn chấp hành án chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 162 (Số người được hoãn chấp hành án được miễn chấp hành hình phạt trong thời gian được hoãn chấp hành án):** Thống kê số người được miễn chấp hành hình phạt tù trong thời gian đang hoãn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 163 (Số người được hoãn chấp hành án bị Tòa án có thẩm quyền hủy quyết định hoãn chấp hành án):** Thống kê số người đang được hoãn thi án nhưng trong thời gian hoãn lại thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và bị Tòa án có thẩm quyền ra quyết định hủy quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 164 (Số đã hết thời hạn hoãn chấp hành án):** Thống kê số người đã hết thời hạn hoãn chấp hành án phạt tù trong kỳ thống kê.

- **Dòng 165 (Số đã đi chấp hành án):** Thống kê số người đã hết thời hạn được hoãn chấp hành án phạt tù đã có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự có

thẩm quyền (tính cả những trường hợp bị áp giải) để chấp hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 166 (Số chưa đi chấp hành án):** Thống kê số người đã hết thời hạn được hoãn chấp hành án phạt tù trong kỳ thống kê nhưng chưa có mặt tại cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền để chấp hành án.

- **Dòng 167 (Tổng số người chấp hành án tù có thời hạn đang được hoãn thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tất cả những trường hợp đang được hoãn thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 167} = \text{Dòng 160} - \text{Dòng 161} - \text{Dòng 162} - \text{Dòng 163} - \text{Dòng 164}$$

- **Dòng 168 (Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án tử hình còn lại của kỳ thống kê trước chuyển sang, bao gồm cả số trốn chưa bắt lại được của các kỳ thống kê trước.

- **Dòng 169 (Số người bị kết án mới có quyết định thi hành án):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình mới có quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 170 (Tổng số người bị kết án tử hình đã có quyết định thi hành án):** Thống kê tổng số người bị Tòa án tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án (Tổng số = Số người bị kết án án đã có quyết định thi hành án kỳ thống kê trước chuyển sang + Số người bị kết án mới có quyết định thi hành án).

$$\text{Dòng 170} = \text{Dòng 168} + \text{Dòng 169}$$

- **Dòng 171 (Số người bị kết án hoãn thi hành án tử hình trong kỳ thống kê):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành án nhưng được hoãn thi hành án tử hình, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 172 (Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án được giảm xuống hình phạt khác):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án nhưng được cơ quan có thẩm quyền giảm án xuống hình phạt khác, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 173 (Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án chết trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án nhưng chưa thi hành án chết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 174 (Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án trốn trong kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án đã trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 175 (Số đã thi hành án tử hình trong kỳ thống kê):** Thống kê những trường hợp đã thi hành xong hình phạt tử hình, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 176 (Số người bị kết án đã có quyết định thi hành án còn lại chưa thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người bị tuyên phạt tử hình đã có quyết định thi hành án nhưng chưa thi hành tính đến cuối kỳ thống kê, bao gồm cả số trốn chưa bắt lại được.

$$\text{Dòng 176} = \text{Dòng 170} - \text{Dòng 172} - \text{Dòng 173} - \text{Dòng 175}$$

- **Dòng 177 (Số người được hoãn thi hành án tử hình tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người đang được hoãn thi hành án tử hình tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 178 (Số người đã có quyết định thi hành án trốn chưa bắt lại tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số người chấp hành án tử hình đã có quyết định thi hành án trốn chưa bắt lại được, tính cả những trường hợp trốn của các kỳ thống kê trước mà kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 179 (Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù chung thân ở trại giam. Những trường hợp phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước, kỳ thống kê này bắt lại được thì thống kê vào dòng này.

- **Dòng 180 (Số phạm nhân mới):** Thống kê số phạm nhân mới đưa vào trại giam chấp hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 181 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân nơi khác chuyển đến.

- **Dòng 182 (Số phạm nhân trả trích xuất):** Thống kê số phạm nhân chấp hành án phạt tù chung thân đã trích xuất đi nơi khác để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử... ở các kỳ thống kê trước, kỳ thống kê này trả lại trại giam để tiếp tục chấp hành án.

- **Dòng 183 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân chuyển đi nơi khác để chấp hành án hoặc phục vụ công tác khác như điều tra, truy tố, xét xử... trong kỳ thống kê.

- **Dòng 184 (Số phạm nhân đã trích xuất):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân nhưng trong kỳ thống kê chuyển đi nơi khác để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử...

- **Dòng 185 (Tổng số phạm nhân):** Thống kê tổng số phạm nhân chấp hành án phạt tù chung thân tại trại giam.

$$\text{Dòng 185} = \text{Dòng 179} + \text{Dòng 180} + \text{Dòng 181} - \text{Dòng 183}$$

- **Dòng 186 (Số phạm nhân đã giảm án xuống tù có thời hạn):** Thống kê số phạm nhân đã có quyết định của Tòa án có thẩm quyền quyết định giảm án thành án phạt tù có thời hạn, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 187 (Số phạm nhân chết):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tù chung thân chết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 188 (Chết do tự sát):** Thống kê số người đang chấp hành hình phạt tù chung thân chết trong kỳ thống kê do tự sát.

- **Dòng 189 (Chết do bệnh lý):** Thống kê số người đang chấp hành hình phạt tù chung thân chết trong kỳ thống kê do bệnh lý.

- **Dòng 190 (Chết do các nguyên nhân khác):** Thống kê số người đang chấp hành hình phạt tù chung thân chết trong kỳ thống kê do nguyên nhân khác ngoài 2 nguyên nhân nêu trên.

(Căn cứ vào kết luận giám định để xác định nguyên nhân chết).

- **Dòng 191 (Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù chung thân nhưng bỏ trốn khỏi trại giam trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 192 (Số phạm nhân giảm xuống tù có thời hạn đã chấp hành xong):** Thống kê số phạm nhân tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn và đã chấp hành xong thời hạn tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 193 (Số phạm nhân được đặc xá):** Thống kê số phạm nhân đã có quyết định của Chủ tịch nước tha tù trước thời hạn và đã ra khỏi nơi thi hành án.

- **Dòng 194 (Số phạm nhân được Tòa án trả tự do):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù chung thân nhưng được Tòa án có thẩm quyền (cấp giám đốc thẩm, tái thẩm) tuyên hủy bản án đã tuyên phạt tù chung thân và trả tự do cho người đang chấp hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 195 (Số phạm nhân đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tù chung thân tại trại giam. Số này không bao gồm số trốn ở dòng dưới.

$$\text{Dòng 195} = \text{Dòng 185} - \text{Dòng 187} - \text{Dòng 191} - \text{Dòng 192} - \text{Dòng 194}$$

- **Dòng 196 (Số phạm nhân trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số phạm nhân chấp hành án phạt tù chung thân trốn ở các kỳ thống kê khác nhau nhưng đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 197 (Số phạm nhân kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam và nhà tạm giữ, bao gồm cả phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước kỳ thống kê này bắt lại được, những phạm nhân đã đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và cơ sở chữa bệnh đã bàn giao lại cho trại giam, trại tạm giam, những trường hợp người tạm đình chỉ chấp hành án tiếp tục thi hành án, những trường hợp tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ bị Tòa án hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành hình phạt tù còn lại chưa chấp hành.

- **Dòng 198 (Số phạm nhân Tòa án hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện và buộc người đó tiếp tục thi hành án):** Thống kê những trường hợp được tha tù trước thời hạn có điều kiện nhưng vi phạm nghĩa vụ bị Tòa án hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đó và buộc họ phải chấp hành hình phạt tù còn lại chưa chấp hành và người đó đã đến chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 199 (Số phạm nhân mới):** Thống kê số phạm nhân chấp hành án phạt tù có thời hạn mới được đưa vào chấp hành án tại trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 200 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn nơi khác chuyển đến, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 201 (Số phạm nhân trả trích xuất):** Thống kê số phạm nhân chấp hành án phạt tù có thời hạn đã trích xuất đi nơi khác để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử... ở các kỳ thống kê trước, kỳ thống kê này trả lại trại giam, trại tạm giam để tiếp tục chấp hành án.

- **Dòng 202 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn chuyển đi nơi khác, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 203 (Số phạm nhân đã trích xuất):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhưng trong kỳ thống kê chuyển đi nơi khác để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử...

- **Dòng 204 (Tổng số phạm nhân):** Thống kê tổng số phạm nhân phải thi hành án trong trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ.

$$\text{Dòng 204} = \text{Dòng 197} + \text{Dòng 198} + \text{Dòng 199} + \text{Dòng 200} - \text{Dòng 202}$$

- **Dòng 205 (Số phạm nhân đã chấp hành án xong):** Thống kê những trường hợp chấp hành xong hình phạt tù, trả tự do; Giảm hết thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại (đối với trường hợp này tính cả những trường hợp được giảm đột xuất), trả tự do; đặc xá tha tù trước thời hạn; những trường hợp được miễn chấp hành án phạt tù.... (Số liệu dòng này không bao gồm số liệu ở dòng 208)

- **Dòng 206 (Số phạm nhân được đặc xá):** Thống kê số phạm nhân đã có quyết định của Chủ tịch nước tha tù trước thời hạn và đã ra khỏi nơi thi hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 207 (Số phạm nhân được tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân đã được Tòa án quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 208 (Số phạm nhân được VKS trả tự do theo quy định của Luật tổ chức VKSND, Luật thi hành án hình sự):** Thống kê những trường hợp đã trả tự do sau khi có quyết định của Viện kiểm sát trả tự do ngay cho người đang chấp hành án phạt tù không có căn cứ và trái pháp luật, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 209 (Số phạm nhân được Tòa án trả tự do):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn nhưng được Tòa án có thẩm quyền (cấp giám đốc thẩm, tái thẩm) tuyên hủy bản án đã tuyên phạt tù có thời hạn và trả tự do cho người đang chấp hành án.

- **Dòng 210 (Số phạm nhân chết):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù có thời hạn chết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 211 (Chết do tự sát):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù có thời hạn chết trong kỳ thống kê do tự sát.

- **Dòng 212 (Chết do bệnh lý):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù có thời hạn chết trong kỳ thống kê do bệnh lý.

- **Dòng 213 (Chết do các nguyên nhân khác):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù có thời hạn chết trong kỳ thống kê do nguyên nhân khác ngoài 2 nguyên nhân nêu trên.

(Căn cứ vào kết luận giám định để xác định nguyên nhân chết).

- **Dòng 214 (Số phạm nhân trốn tính đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số phạm nhân trốn ở các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này nhưng đến cuối kỳ thống kê này chưa bắt lại được.

- **Dòng 215 (Số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê số phạm nhân trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 216 (Số phạm nhân áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê):** thống kê số phạm nhân đang chấp hành án phạt tù mà trong kỳ thống kê đã áp dụng biện pháp chữa bệnh tại các cơ sở chữa bệnh.

Đối với những phạm nhân đã có quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong kỳ thống kê nhưng ngay trong kỳ thống kê đó lại ra quyết định đình chỉ việc áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh và đã tiếp tục chấp hành án thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 217 (Tổng số phạm nhân đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân Tòa án đã ra quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này, tính đến thời điểm thống kê vẫn đang áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

- **Dòng 218 (Số phạm nhân đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê phạm nhân đang chấp hành án phạt tù có thời hạn tại trại giam, trại tạm giam và nhà tạm giữ.

Dòng 218 = Dòng 204 – Dòng 205 – Dòng 207 – Dòng 208 – Dòng 209 – Dòng 210 – Dòng 215 – Dòng 216 – Dòng 221

Lưu ý: Số này không bao gồm số trốn chưa bắt lại được tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 219 (Số phạm nhân đang chấp hành án tại trại tạm giam):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tại phân trại quản lý phạm nhân của trại tạm giam tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 220 (Số phạm nhân đang chấp hành án tại nhà tạm giữ):** Thống kê số phạm nhân đang chấp hành án tại nhà tạm giữ tính đến cuối kỳ thống kê.

- **Dòng 221 (Số phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê):** Thống kê số phạm nhân đã ra khỏi nơi chấp hành án sau khi có quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù của Tòa án hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 222 (Số tạm đình chỉ đã tiếp tục thi hành án):** thống kê số người được tạm đình chỉ đã có mặt tại nơi chấp hành án theo đúng quy định hoặc số tạm đình chỉ trốn đã bắt lại và tiếp tục chấp hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 223 (Số tạm đình chỉ được miễn chấp hành án):** Thống kê số người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đã có quyết định được miễn chấp hành hình phạt tù còn lại, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 224 (Số tạm đình chỉ chết):** Thống kê số phạm nhân được tạm đình chỉ chết trong kỳ thống kê. Căn cứ vào quyết định đình chỉ thi hành án của Tòa án có thẩm quyền sau khi nhận được thông báo của cơ quan quản lý người được tạm đình chỉ thi hành án chết để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 225 (Số tạm đình chỉ trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê những người được tạm đình chỉ chấp hành án trốn trong kỳ thống kê chưa bắt lại được.

- **Dòng 226 (Tổng số tạm đình chỉ trốn đến cuối kỳ thống kê chưa bắt lại được):** Thống kê tổng số người đang tạm đình chỉ chấp hành án trốn chưa bắt lại. Số trốn có thể trong kỳ thống kê hoặc ở các kỳ thống kê trước.

- **Dòng 227 (Tổng số phạm nhân được tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số đang được tạm đình chỉ của các kỳ thống kê trước và kỳ thống kê này, bao gồm cả số tạm đình chỉ trốn chưa bắt lại được.

- **Dòng 228 (Số đã hết thời hạn tạm đình chỉ):** Thống kê số người đã hết thời hạn tạm đình chỉ nhưng chưa có mặt hoặc chưa bị áp giải đến cơ quan thi

hành án có thẩm quyền để chấp hành án. Số này không bao gồm số tạm đình chỉ trốn chưa bắt lại được.

- **Dòng 229 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù cho hưởng án treo đang bị giám sát, giáo dục của kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 230 (Số mới):** Thống kê số người bị Tòa án tuyên phạt tù cho hưởng án treo phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào thời điểm giao, nhận hồ sơ giữa cơ quan thi hành án có thẩm quyền và cơ quan được giao giám sát, giáo dục người được hưởng án treo để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 231 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê những trường hợp người đang chấp hành án treo nơi khác chuyển đến do thay đổi nơi cư trú, làm việc, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 232 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê những trường hợp người đang chấp hành án treo chuyển đi nơi khác do thay đổi nơi cư trú, làm việc trong kỳ thống kê.

- **Dòng 233 (Tổng số):** Thống kê tổng số người phải thi hành án treo đang bị giám sát, giáo dục. Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác

$$\text{Dòng 233} = \text{Dòng 229} + \text{Dòng 230} + \text{Dòng 231} - \text{Dòng 232}$$

- **Dòng 234 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 235 (Số Tòa án tuyên hủy bản án đã tuyên phạt án treo):** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án treo mà Tòa án có thẩm quyền quyết định hủy bản án đã tuyên phạt án treo và đình chỉ vụ án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 236 (Số phạm tội mới):** Thống kê số người đang thi hành án treo lại phạm thêm tội mới, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 237 (Số án treo vi phạm nghĩa vụ bị chuyển sang án giam):** Thống kê số người đang thi hành án treo vi phạm nghĩa vụ mà Tòa án đã quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 238 (Số Tòa án tuyên hủy án treo chuyển sang tù giam):** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án treo mà Tòa án có thẩm quyền quyết định sửa bản án đã tuyên phạt án treo chuyển án treo sang tù giam trong kỳ thống kê.

- **Dòng 239 (Số đang thi hành án treo chết):** Thống kê số người đang thi hành án treo bị chết, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 240 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người bị phạt tù được hưởng án treo đang bị giám sát, giáo dục tính đến cuối kỳ thống kê.

Dòng 240 = Dòng 233 – Dòng 234 – Dòng 235 – Dòng 236 – Dòng 237 – Dòng 238 – Dòng 239.

- **Dòng 241 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đã có quyết định thi hành hình phạt trục xuất của kỳ thống kê trước chuyển qua, bao gồm cả những trường hợp người bị trục xuất trốn chưa bắt lại được.

- **Dòng 242 (Số mới):** Thống kê số người có quyết định thi hành hình phạt trục xuất trong kỳ thống kê.

Đối với người bị trục xuất chết trong thời gian chờ xuất cảnh thì xem xét là số mới hay số cũ mà giảm số cũ hoặc mới.

- **Dòng 243 (Tổng số):** Thống kê tổng số người bị trục xuất, bao gồm số cũ và số mới.

Dòng 243 = Dòng 241 + Dòng 242

- **Dòng 244 (Số đã trục xuất):** Thống kê số người chấp hành án phạt trục xuất đã rời khỏi lãnh thổ Việt Nam trong kỳ thống kê (Căn cứ vào thông báo đã thi hành xong hình phạt trục xuất của cơ quan thi hành án hình sự gửi cho các cơ quan có thẩm quyền).

- **Dòng 245 (Số còn lại chưa bị trục xuất tính đến cuối kỳ thống kê):**

Dòng 245 = Dòng 243 – Dòng 244

- **Dòng 246 (Số còn lại của kỳ trước):** Là số người đang chấp hành án cải tạo không giam giữ của kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 247 (Số mới):** Là số phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào thời điểm giao, nhận hồ sơ giữa cơ

quan thi hành án có thẩm quyền và cơ quan được giao giám sát, giáo dục người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ để làm căn cứ thống kê.

- **Dòng 248 (Số nơi khác chuyển đến):** Thống kê những trường hợp người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ nơi khác chuyển đến do thay đổi nơi cư trú, làm việc, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 249 (Số chuyển đi nơi khác):** Thống kê những trường hợp người đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ chuyển đi nơi khác do thay đổi nơi cư trú, làm việc trong kỳ thống kê.

- **Dòng 250 (Tổng số):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt cải tạo không giam giữ. Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới + Số nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác.

$$\text{Dòng 250} = \text{Dòng 246} + \text{Dòng 247} + \text{Dòng 248} - \text{Dòng 249}$$

- **Dòng 251 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 252 (Số được Tòa án Giám đốc thẩm, Tái thẩm tuyên hủy bản án đã tuyên phạt CTKGG):** Thống kê những trường hợp đang chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ nhưng được Tòa án cấp giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án đã tuyên phạt cải tạo không giam giữ và đình chỉ vụ án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 253 (Số phạm tội mới):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ phạm thêm tội mới, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 254 (Số đang thi hành cải tạo không giam giữ chết):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị chết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 255 (Số đang thi hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người bị phạt cải tạo không giam giữ đang bị giám sát, giáo dục tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 255} = \text{Dòng 250} - \text{Dòng 251} - \text{Dòng 252} - \text{Dòng 253} - \text{Dòng 254}$$

- **Dòng 256 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang chấp hành án không được tạm trú, thường trú ở một số địa phương nhất định của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 257 (Số mới):** Thống kê số người chấp hành án phạt cấm cư trú mới phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào ngày bàn giao hồ sơ giữ cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện với ủy ban nhân cấp xã nơi người chấp hành án về cư trú để làm cơ sở thống kê.

Lưu ý: Đối với người đang chấp hành án phạt cấm cư trú chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 258 (Tổng số):** Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới

$$\text{Dòng 258} = \text{Dòng 256} + \text{Dòng 257}$$

- **Dòng 259 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, trong kỳ thống kê (kể cả những trường hợp đã được Tòa án miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại).

- **Dòng 260 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người đang chấp hành án phạt cấm cư trú tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 260} = \text{Dòng 258} - \text{Dòng 259}$$

- **Dòng 261 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang chấp hành án phạt quản chế buộc phải cư trú, làm ăn, sinh sống, ở một địa phương nhất định dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương, của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 262 (Số mới):** Thống kê số người chấp hành án phạt quản chế mới phát sinh trong kỳ thống kê. Căn cứ vào ngày giao người chấp hành án giữ cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện với ủy ban nhân cấp xã nơi người đó về cư trú để làm cơ sở thống kê.

Lưu ý: Đối với người đang chấp hành án phạt quản chế chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 263 (Tổng số):** Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới

$$\text{Dòng 263} = \text{Dòng 261} + \text{Dòng 262}$$

- **Dòng 264 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm quản chế, trong kỳ thống kê (kể cả những trường hợp đã được Tòa án miễn chấp hành thời hạn quản chế còn lại).

- **Dòng 265 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê số người đang thi hành án phạt quản chế tính đến cuối kỳ thống kê. Số đang chấp hành án = Tổng số - Số đã chấp hành xong

$$\text{Dòng 265} = \text{Dòng 263} - \text{Dòng 264}$$

- **Dòng 266 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang thi hành hình phạt bổ sung là bị tước bỏ một hoặc một số quyền công dân ở các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 267 (Số mới):** Thống kê số người mới thi hành án phạt tước một số quyền công dân phát sinh trong kỳ thống kê.

Lưu ý: Đối với người đang chấp hành án phạt tước một số quyền công dân chết thì căn cứ vào thời điểm chết nếu là số cũ thì trừ số cũ, nếu là số mới thì trừ số mới.

- **Dòng 268 (Tổng số):** Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới

$$\text{Dòng 268} = \text{Dòng 266} + \text{Dòng 267}$$

- **Dòng 269 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tước một số quyền công dân, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 270 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt tước một số quyền công dân tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 270} = \text{Dòng 268} - \text{Dòng 269}$$

- **Dòng 271 (Số còn lại của kỳ trước):** Thống kê số người đang bị cơ quan có thẩm quyền buộc không được đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo bản án đã có hiệu lực pháp luật của các kỳ thống kê trước chuyển sang.

- **Dòng 272 (Số mới):** Thống kê số người thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định mới phát sinh trong kỳ thống kê.

- **Dòng 273 (Tổng số):** Tổng số = Số còn lại của kỳ trước + Số mới.

$$\text{Dòng 273} = \text{Dòng 271} + \text{Dòng 272}$$

- **Dòng 274 (Số đã chấp hành xong):** Thống kê số người đã được cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 275 (Số đang chấp hành án tính đến cuối kỳ thống kê):** Thống kê tổng số người đang thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 275} = \text{Dòng 273} - \text{Dòng 274}$$

- **Dòng 276 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động có thời hạn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa thi hành án.

- **Dòng 277 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động có thời hạn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 278 (Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án):** Thống kê tổng số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động có thời hạn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Tổng số = Số chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang + Số mới phát sinh trong kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 278} = \text{Dòng 276} + \text{Dòng 277}$$

- **Dòng 279 (Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị đình chỉ hoạt động có thời hạn đã tạm dừng hoạt động đối với ngành, nghề trong một số lĩnh vực bị đình chỉ hoạt động có thời hạn theo quyết định thi hành án của Tòa án có thẩm quyền và đã có giấy chứng

nhận chấp hành xong hình phạt của cơ quan thi hành án có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 280 (Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại chưa tạm dừng hoạt động đối với ngành, nghề trong một số lĩnh vực bị đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 280} = \text{Dòng 278} - \text{Dòng 279}$$

- **Dòng 281 (Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án):** Thống kê số pháp nhân thương mại chấp hành án không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định thi hành án.

- **Dòng 282 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động vĩnh viễn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa thi hành án.

- **Dòng 283 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động vĩnh viễn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 284 (Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án):** Thống kê tổng số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “đình chỉ hoạt động vĩnh viễn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Tổng số = Số chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang + Số mới phát sinh trong kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 284} = \text{Dòng 282} + \text{Dòng 283}$$

- **Dòng 285 (Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đã chấm dứt hoạt động đối với ngành, nghề trong một hoặc một số lĩnh vực bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn hoặc toàn bộ hoạt động bị đình chỉ vĩnh viễn theo quyết định của Tòa án có thẩm quyền.

- **Dòng 286 (Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn chưa chấm dứt hoạt động đối với ngành, nghề trong một hoặc một số lĩnh vực bị đình chỉ

hoạt động vĩnh viễn hoặc toàn bộ hoạt động bị đình chỉ vĩnh viễn theo quyết định của Tòa án có thẩm quyền.

$$\text{Dòng 286} = \text{Dòng 284} - \text{Dòng 285}$$

- **Dòng 287 (Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án):** Thống kê số pháp nhân thương mại chấp hành án không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định thi hành án.

- **Dòng 288 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa thi hành án.

- **Dòng 289 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 290 (Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án):** Thống kê tổng số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Tổng số = Số chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang + Số mới phát sinh trong kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 290} = \text{Dòng 288} + \text{Dòng 289}$$

- **Dòng 291 (Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định đã chấm dứt kinh doanh, hoạt động đối với ngành, nghề trong lĩnh vực bị cấm trong thời hạn theo bản án, quyết định của Tòa án và đã được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt của cơ quan thi hành án có thẩm quyền, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 292 (Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại chưa dừng kinh doanh, hoạt động đối với ngành, nghề trong lĩnh vực bị cấm trong thời hạn theo quyết định của Tòa án tính đến kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 292} = \text{Dòng 290} - \text{Dòng 291}$$

- **Dòng 293 (Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án):** Thống kê số pháp nhân thương mại chấp hành án không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định thi hành án.

- **Dòng 294 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “Cấm huy động vốn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa thi hành án.

- **Dòng 295 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “Cấm huy động vốn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 296 (Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án):** Thống kê tổng số pháp nhân thương mại bị Tòa án tuyên phạt hình phạt chính là “Cấm huy động vốn” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án. Tổng số = Số chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang + Số mới phát sinh trong kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 296} = \text{Dòng 294} + \text{Dòng 295}$$

- **Dòng 297 (Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại đã chấm dứt thực hiện một hoặc một số hình thức huy động vốn trong thời hạn bị cấm theo bản án, quyết định của Tòa án và đã được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt của cơ quan thi hành án có thẩm quyền, trong kỳ thống kê

- **Dòng 298 (Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại chưa dừng việc huy động vốn theo quyết định của Tòa án tính đến kỳ thống kê

$$\text{Dòng 298} = \text{Dòng 296} - \text{Dòng 297}$$

- **Dòng 299 (Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án):** Thống kê số pháp nhân thương mại chấp hành án không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định thi hành án.

- **Dòng 300 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp tư pháp là “Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; Buộc

thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra” mà Tòa án đã ra quyết định thi hành ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa thi hành án.

- **Dòng 301 (Số pháp nhân thương mại chấp hành án mới phát sinh trong kỳ thống kê):** Thống kê số pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp tư pháp là “ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra” Tòa án đã ra quyết định thi hành trong kỳ thống kê.

- **Dòng 302 (Tổng số pháp nhân thương mại chấp hành án):** Thống kê tổng số pháp nhân thương mại bị áp dụng biện pháp tư pháp là “ Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra” Tòa án đã ra quyết định thi hành. Tổng số = Số chưa thi hành xong của kỳ thống kê trước chuyển sang + Số mới phát sinh trong kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 302} = \text{Dòng 300} + \text{Dòng 301}$$

- **Dòng 303 (Số pháp nhân thương mại đã chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại đã khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra theo bản án, quyết định của Tòa án và đã được cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt của cơ quan thi hành án có thẩm quyền trong kỳ thống kê

- **Dòng 304 (Số pháp nhân thương mại chưa chấp hành án xong):** Thống kê số pháp nhân thương mại chưa khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra theo bản án, quyết định của Tòa án tính đến cuối kỳ thống kê.

$$\text{Dòng 304} = \text{Dòng 302} - \text{Dòng 303}$$

- **Dòng 305 (Số pháp nhân thương mại không chấp hành quyết định thi hành án):** Thống kê số pháp nhân thương mại chấp hành án không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ quyết định thi hành án.

- **Dòng 306 (Số quyết định của Tòa án có vi phạm):** Thống kê số quyết định thi hành án (gồm tất cả các quyết định thi hành án đối với các loại hình phạt), quyết định liên quan đến thi hành án như: quyết định hoãn thi hành án, quyết định tạm đình chỉ thi hành án, quyết định miễn thi hành án... của Tòa án có vi phạm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 307 (Số người bị kết án Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án ra quyết định thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

- **Dòng 308 (Số người bị kết án Tòa án đã ra quyết định thi hành án theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 309 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị hoãn thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định hoãn thi hành án.

- **Dòng 310 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định hoãn chấp hành án theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định hoãn thi hành án trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 311 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định miễn chấp hành hình phạt.

- **Dòng 312 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành hình phạt theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành hình phạt trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 313 (Số người thi hành án phạt tù được miễn chấp hành án theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người mà Tòa án đã ra quyết định miễn chấp hành hình phạt tù trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 314 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị xét hưởng thời hiệu):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án xét hưởng thời hiệu.

- **Dòng 315 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định được hưởng thời hiệu theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định cho người đó được hưởng thời hiệu trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 316 (Số người chấp hành án phạt tù được hưởng thời hiệu theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án phạt tù mà Tòa án đã ra quyết định cho người đó được hưởng thời hiệu trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 317 (Số người Viện kiểm sát đề nghị đình chỉ thi hành án):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê đề nghị Tòa án ra quyết định đình chỉ việc chấp hành án.

- **Dòng 318 (Số người chấp hành án Tòa án đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Tòa án đã ra quyết định đình chỉ chấp hành án trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 319 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án tự kiểm tra và thông báo kết quả cho VKS):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê và đã gửi đến Tòa án yêu cầu Tòa án tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần)

- **Dòng 320 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu Tòa án cung cấp tài liệu):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án cung cấp tài liệu cho liên quan đến việc thi hành án hình sự cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần).

- **Dòng 321 (Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số phạm nhân Viện kiểm sát đã lập hồ sơ đề nghị cho phạm nhân được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 322 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát đề nghị miễn chấp hành hình phạt còn lại trong thời gian người chấp hành án đang được tạm**

đình chỉ chấp hành hình phạt tù): Thống kê số người chấp hành án Viện kiểm sát đã lập hồ sơ đề nghị cho người đang được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù được miễn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 323 (Số người chấp hành án Viện kiểm sát yêu cầu Công an áp giải):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Công an áp giải người đó đến nơi chấp hành án.

- **Dòng 324 (Số người chấp hành án Công an đã áp giải theo yêu cầu của Viện kiểm sát):** Thống kê số người chấp hành án mà Công an đã áp giải trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 325 (Số người Viện kiểm sát yêu cầu Công an truy nã):** Thống kê số người chấp hành án mà Viện kiểm sát đã có văn bản trong kỳ thống kê yêu cầu Công an truy nã khi người đó bỏ trốn.

- **Dòng 326 (Số người chấp hành án Công an đã truy nã theo yêu cầu của VKS):** Thống kê số người chấp hành án mà Công an đã truy nã trong kỳ thống kê theo yêu cầu của Viện kiểm sát (văn bản yêu cầu của Viện kiểm sát có thể ở kỳ thống kê trước).

- **Dòng 327 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án cùng cấp tự kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp yêu cầu tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu)

- **Dòng 328 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án cấp dưới tự kiểm tra và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới yêu cầu tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu)

- **Dòng 329 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp cung cấp tài liệu):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án cùng cấp cung cấp tài

liệu liên quan đến việc thi hành án hình sự cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu).

- **Dòng 330 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới cung cấp tài liệu):** Thống kê số văn bản mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu cơ quan thi hành án cấp dưới cung cấp tài liệu liên quan đến việc thi hành án hình sự cho Viện kiểm sát (nếu một văn bản yêu cầu nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ được tính là một lần yêu cầu).

- **Dòng 331 (Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành kết luận):** Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án cùng cấp (kiểm sát toàn diện, kiểm sát từng nội dung) và đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát trực tiếp nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).

- **Dòng 332 (Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới):** Thống kê số lần đã tiến hành kiểm sát trực tiếp cơ quan thi hành án cấp dưới (kiểm sát toàn diện, kiểm sát từng nội dung) và đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm sát trực tiếp nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này)

- **Dòng 333 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp):** Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát đột xuất tại cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp và đã có kết luận.

- **Dòng 334 (Số lần Viện kiểm sát kiểm sát đột xuất cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới):** Thống kê số lần VKS đã tiến hành kiểm sát đột xuất tại cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới và đã có kết luận.

Lưu ý: Khi thống kê dòng 331, 332, 333, 334 chỉ thống kê những trường hợp Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát trực tiếp khi có *quyết định kiểm sát trực tiếp* hoặc *quyết định kiểm sát đột xuất* nhà tạm giữ, trại tạm giam.

Đơn vị nào ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và ban hành kết luận thì đơn vị đó thống kê. Nếu VKS cấp trên ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và phối hợp với VKS cấp dưới tiến hành kiểm sát, kết thúc cuộc kiểm sát VKS cấp trên ban hành kết luận thì VKS cấp trên thống kê, VKS cấp dưới không thống kê.

- **Dòng 335 (Số hồ sơ thi hành án VKS đã kiểm sát):** Thống kê số hồ sơ thi hành án hình sự VKS đã tiến hành kiểm sát trong kỳ thống kê. Việc kiểm sát hồ sơ phải được thể hiện bằng phiếu kiểm sát, thể hiện quan điểm của người nghiên cứu và được lưu vào hồ sơ kiểm sát.

- **Dòng 336 (Số bản kiến nghị cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp):** Thống kê số bản kiến nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị)

Lưu ý: Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- **Dòng 337 (Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 338 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 339 (Số bản kiến nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới):** Thống kê số bản kiến nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị).

Lưu ý: Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- **Dòng 340 (Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 341 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ

thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 342 (Số bản kháng nghị cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp):** Thống kê số bản kháng nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 343 (Số bản kháng nghị của VKS yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm trong việc thi hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 344 (Số bản kháng nghị của VKS yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp hủy bỏ các quyết định vi phạm trong việc thi hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 345 (Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 346 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan thi hành án hình sự cùng cấp bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 347 (Số bản kháng nghị cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới):** Thống kê số bản kháng nghị đối với cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới đã ban hành, trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 348 (Số bản kháng nghị của VKS yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành

án yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm trong việc thi hành án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 349 (Số bản kháng nghị của VKS yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án yêu cầu cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới hủy bỏ các quyết định vi phạm trong việc thi hành án, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 350 (Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 351 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan thi hành án hình sự cấp dưới bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 352 (Số lần kiểm sát trực tiếp trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát trực tiếp trại giam, phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam (cả kiểm sát thường kỳ và kiểm sát bất thường), bao gồm: kiểm sát toàn diện và kiểm sát từng nội dung.

Lưu ý: Chỉ thống kê những trường hợp Viện kiểm sát đã ra quyết định kiểm sát trực tiếp trại giam hoặc phân trại quản lý phạm nhân thuộc trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân. Đơn vị nào ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và ban hành kết luận thì đơn vị đó thống kê. Nếu VKS cấp trên ban hành quyết định kiểm sát trực tiếp và phối hợp với VKS cấp dưới tiến hành kiểm sát, kết thúc cuộc kiểm sát VKS cấp trên ban hành kết luận thì VKS cấp trên thống kê, VKS cấp dưới không thống kê.

- **Dòng 353 (Số hồ sơ phạm nhân VKS đã kiểm sát):** Thống kê số hồ sơ phạm nhân VKS đã tiến hành kiểm sát trong kỳ thống kê. Việc kiểm sát hồ sơ phải được thể hiện bằng phiếu kiểm sát, thể hiện quan điểm của người nghiên cứu và được lưu vào hồ sơ kiểm sát.

- **Dòng 354 (Số lần VKS gặp hỏi người bị tạm giữ, tạm giam):** Thống kê số lần VKS đã gặp hỏi phạm nhân trong kỳ thống kê. Việc gặp hỏi phải được thể hiện bằng phiếu kiểm sát có ghi chép lại việc gặp hỏi đối với phạm nhân và lưu vào hồ sơ kiểm sát.

- **Dòng 355 (Số bản kiến nghị đối với trại giam, trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân):** Thống kê số bản kiến nghị đối với trại giam, trại tạm giam đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kiến nghị kiến nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kiến nghị).

Lưu ý: Chỉ thống kê những kiến nghị bằng văn bản riêng, không thống kê những kiến nghị có trong kết luận kiểm sát trực tiếp.

- **Dòng 356 (Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của trại giam, trại tạm giam (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 357 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của trại giam, trại tạm giam bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 358 (Số bản kháng nghị đối với trại giam, trại tạm giam trong việc quản lý phạm nhân):** Thống kê số bản kháng nghị đối với trại giam, trại tạm giam đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 359 (Số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cùng cấp yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án phạt tù yêu cầu trại giam, trại tạm giam cùng cấp đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm trong việc thi hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 360 (Số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cùng cấp yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án phạt tù yêu cầu trại giam, trại tạm giam cùng

cấp hủy bỏ các quyết định vi phạm trong việc thi hành án phạt tù trong kỳ thống kê.

- **Dòng 361 (Số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án phạt tù yêu trại tạm giam cấp dưới đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm trong việc thi hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 362 (Số bản kháng nghị của VKS với cơ quan cấp dưới yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án phạt tù yêu cầu trại tạm giam cấp dưới hủy bỏ các quyết định vi phạm trong việc thi hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 363 (Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của trại giam, trại tạm giam (bản kháng nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 364 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của trại giam, trại tạm giam bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 365 (Số phạm nhân Viện kiểm sát kiểm sát việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù):** Thống kê số phạm nhân đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù mà trại giam, trại tạm giam đã gửi tới Viện kiểm sát để Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, trong kỳ thống kê (việc xét giảm có thể là thường kỳ hoặc đột xuất).

- **Dòng 366 (Số phạm nhân VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù):** Thống kê số phạm nhân VKS có công văn yêu cầu Tòa án không chấp nhận xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 367 (Số phạm nhân VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được chấp nhận):** Thống kê số phạm nhân VKS có công văn yêu cầu Tòa án không chấp nhận xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù được Tòa án chấp nhận đưa ra khỏi danh sách xét giảm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 368 (Số phạm nhân được xét giảm thời hạn chấp hành án phạt tù):** Thống kê số phạm nhân đã được Tòa án có thẩm quyền quyết định giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 369 (Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù khác với đề nghị của cơ quan Công an):** Thống kê số phạm nhân sau khi nhận hồ sơ đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của cơ quan Công an, Viện kiểm sát đã nghiên cứu và đề nghị Tòa án giảm thời hạn chấp hành án phạt tù khác với đề nghị của cơ quan Công an (có thể thời gian giảm nhiều hơn hoặc ít hơn).

- **Dòng 370 (Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê những trường hợp Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

- **Dòng 371 (Số phạm nhân Viện kiểm sát kiểm sát việc đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân đề nghị tha tù trước thời hạn mà trại giam, trại tạm giam đã lập và gửi đến Viện kiểm sát để Viện kiểm sát xem xét và có ý kiến.

- **Dòng 372 (Số phạm nhân Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân được đề nghị tha tù trước thời hạn có điều kiện mà tại phiên họp xét tha tù trước thời hạn có điều kiện Kiểm sát viên trình bày quan điểm của Viện kiểm sát không chấp nhận việc tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với phạm nhân đó.

- **Dòng 373 (Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát):** Thống kê số phạm nhân Tòa án không chấp nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện theo đề nghị của Viện kiểm sát.

- **Dòng 374 (Số phạm nhân Viện kiểm sát kiểm sát việc lập hồ sơ đề nghị đặc xá):** Thống kê số phạm nhân Viện kiểm sát đã kiểm sát việc thực hiện trình tự, thủ tục đề nghị đặc xá, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 375 (Số phạm nhân Viện kiểm sát yêu cầu đưa ra khỏi danh sách đặc xá):** Thống kê số phạm nhân mà VKS đã có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách đặc xá khi thấy rằng phạm nhân đó không đủ điều kiện, tiêu chuẩn đặc xá, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 376 (Số phạm nhân Viện kiểm sát yêu cầu đưa ra khỏi danh sách đặc xá được chấp nhận):** Thống kê số phạm nhân mà VKS đã có công văn đề nghị đưa ra khỏi danh sách đặc xá đã được cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 377 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu trại giam, phân trại tự kiểm tra công tác thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát):** Thống kê số văn bản Viện kiểm sát đã yêu cầu Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam...tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát.

- **Dòng 378 (Số văn bản Viện kiểm sát yêu cầu ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức tự kiểm tra công tác thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát):** Thống kê số văn bản Viện kiểm sát đã yêu cầu ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức tự kiểm tra việc thi hành án hình sự và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát.

- **Dòng 379 (Số lần Viện kiểm sát trực tiếp kiểm sát ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thi hành án hình sự):** Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm sát trực tiếp Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong việc thi hành án treo, cải tạo không giam giữ và các hình phạt khác, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 380 (Số bản kiến nghị UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức):** Thống kê số bản kiến nghị mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức khắc phục vi phạm trong việc quản lý án treo, cải tạo không giam giữ và các hình phạt khác.

- **Dòng 381 (Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan bị kiến nghị (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 382 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của cơ quan bị kiến

ngợi trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê

- **Dòng 383 (Số bản kháng nghị UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức):** Thống kê số bản kháng nghị đối Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức trong thi hành án hình sự mà Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê (nếu bản kháng nghị nhiều vấn đề khác nhau thì chỉ tính là một bản kháng nghị).

- **Dòng 384 (Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của cơ quan bị kháng nghị (bản kháng nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 385 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của của cơ quan bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- **Dòng 386 (Số người VKS tham gia xét rút ngắn thời hạn thử thách đối với án treo):** Thống kê số người Viện kiểm sát tham gia phiên họp trong kỳ thống kê để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo (mỗi hồ sơ xét giảm là một người).

- **Dòng 387 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách án treo khi thấy rằng người đó không đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét giảm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 388 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo được chấp nhận):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách án treo đã được cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 389 (Số người được rút ngắn thời gian thử thách đối với án treo):** Thống kê số người đang chấp hành án treo được Tòa án có thẩm quyền ra quyết định rút ngắn thời gian thử thách đối với họ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 390 (Số người Viện kiểm sát tham gia xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ):** Thống kê số người Viện kiểm sát tham gia phiên họp trong kỳ thống kê để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc xét giảm thời hạn và xét miễn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của Tòa án cùng cấp (mỗi hồ sơ xét giảm là một người).

- **Dòng 391 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt CTKGG khi thấy rằng người đó không đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét giảm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 392 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được chấp nhận):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt CTKGG đã được cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 393 (Số người được xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ):** Thống kê số người đang chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được Tòa án có thẩm quyền ra quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt đối với họ, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 394 (Số người Viện kiểm sát tham gia xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số phạm nhân VKS đã tham gia phiên họp xét tha tù trước thời hạn, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 395 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện khi thấy rằng người đó không đủ điều kiện, tiêu chuẩn được xét giảm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 396 (Số người VKS đề nghị đưa ra khỏi danh sách xét rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn được chấp nhận):** Thống kê số người mà VKS đã có công văn đề nghị đưa ra khỏi danh sách rút ngắn thời gian thử thách đối với tha tù trước thời hạn có điều kiện đã được cơ quan có thẩm quyền đưa ra khỏi danh sách, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 397 (Số người được tha tù trước thời hạn có điều kiện được rút ngắn thời gian thử thách):** Thống kê số người được Hội đồng xét, quyết định rút ngắn thời gian thử thách của Tòa án có thẩm quyền quyết định rút ngắn hết thời gian thử thách còn lại hoặc chấp nhận một phần đề nghị rút ngắn thời gian thử thách, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 398 (Số bản kiến nghị yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm):** Thống kê số bản kiến nghị ban hành trong kỳ thống kê yêu cầu Tòa án khắc phục vi phạm trong việc ra quyết định thi hành án hình sự (nếu một bản kiến nghị mà kiến nghị nhiều vấn đề thì chỉ được tính là một kiến nghị).

- **Dòng 399 (Số bản kiến nghị được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của Tòa án bị kiến nghị (bản kiến nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- **Dòng 400 (Số bản kiến nghị không được chấp nhận sửa chữa):** Thống kê số bản kiến nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của Tòa án bị kiến nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kiến nghị), kể cả các bản kiến nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê

- **Dòng 401 (Số bản kháng nghị các quyết định của Tòa án):** Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã ban hành trong kỳ thống kê kháng nghị các quyết định của Tòa án liên quan đến việc thi hành án hình sự.

- **Dòng 402 (Số bản kháng nghị của VKS với tòa án cùng cấp yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án yêu cầu Tòa án cùng cấp đình chỉ việc thi hành các quyết định liên quan đến việc thi hành án hình sự có vi phạm, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 403 (Số bản kháng nghị của VKS với Tòa án cùng cấp yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự):** Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án Tòa án cùng cấp hủy bỏ các quyết định vi phạm liên quan đến việc thi hành án hình sự, trong kỳ thống kê.

- **Dòng 404 (Số bản kháng nghị của VKS với Tòa án cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành**

án hình sự): Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án yêu cầu Tòa án cấp dưới đình chỉ việc thi hành các quyết định liên quan đến việc thi hành án hình sự có vi phạm, trong kỳ thống kê.

- Dòng 405 (Số bản kháng nghị của VKS với Tòa án cấp dưới yêu cầu hủy bỏ các quyết định vi phạm pháp luật trong việc thi hành án hình sự): Thống kê số bản kháng nghị của VKS thông qua công tác kiểm sát việc thi hành án Tòa án cấp dưới hủy bỏ các quyết định vi phạm liên quan đến việc thi hành án hình sự, trong kỳ thống kê.

- Dòng 406 (Số bản kháng nghị được chấp nhận sửa chữa): Thống kê số bản kháng nghị đã có văn bản chấp nhận sửa chữa (chấp nhận toàn bộ và chấp nhận một phần) trong kỳ thống kê của Tòa án bị kháng nghị (bản kháng nghị của Viện kiểm sát có thể trong kỳ hoặc các kỳ trước).

- Dòng 407 (Số bản kháng nghị không được chấp nhận sửa chữa): Thống kê số bản kháng nghị của Viện kiểm sát đã có văn bản của của Tòa án bị kháng nghị trả lời không chấp nhận sửa chữa trong kỳ thống kê (không chấp nhận toàn bộ kháng nghị), kể cả các bản kháng nghị của Viện kiểm sát trong kỳ và các kỳ trước không được chấp nhận trong kỳ thống kê.

- Dòng 408 (Số cuộc kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu đã có kết luận): Thống kê số lần Viện kiểm sát đã tiến hành kiểm tra việc thực hiện kiến nghị, kháng nghị, yêu cầu của Viện kiểm sát đối với các trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự các cấp, Tòa án các cấp, ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức... trong việc thi hành án hình sự đã có kết luận trong kỳ thống kê (trong trường hợp đã tiến hành kiểm tra nhưng chưa có kết luận thì không thống kê vào dòng này).